

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số 39/2021/HSST

Ngày 09 -4-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Ông Vũ Quốc Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với:

*** Bị cáo:** *Phạm Minh T*, sinh năm 1989 (tên gọi khác: Không); nơi cư trú: tổ dân phố Q, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tr; vợ, con: chưa có; tiền án: Ngày 20/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa B xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến nay T chưa nộp án phí và bồi thường cho bị hại; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2021, đến ngày 17/01/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

*** Người bị hại:**

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Đội 19, thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

+ Anh Lê Xuân B, sinh năm 1979 và chị Trương Thị B1, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Tổ dân phố V phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; đều có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 03/01/2021, Phạm Minh T một mình đi bộ đến địa phận xã Y, thị xã D tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn N ở Đội 19, thôn Đ, xã Y thị xã D, T quan sát thấy cửa trước khóa nên T đi vòng ra phía sau, trèo tường vào bên trong sân sau nhà anh N. T dùng tay giật cửa gỗ nhưng không được nên cầm con dao phay dài 34 cm có sẵn ở sân cây ô cửa gỗ phía dưới bật tung ra rồi luồn tay vào bên trong tháo chốt cửa ra. Sau đó, T đi vào phòng ngủ ở tầng một, T mở tủ đựng quần áo ra lục phát hiện số tiền 5.000.000 đồng trong túi áo khoác màu đỏ, số tiền 3.000.000 đồng trong túi áo khoác màu trắng (dạng áo bác sỹ), số tiền 9.000.000 đồng để ở dưới đồng quần áo, T lấy hết toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi quần đang mặc rồi đi ra phòng khách. T mở ngăn bàn học bằng gỗ kê bên phải hướng từ cửa chính vào trong nhà, thấy 01 chiếc túi xách bên trong có 01 chiếc laptop hiệu Acer, 01 bộ sạc và **01 USB**, T dùng tay phải xách túi laptop ra khỏi ngăn bàn thì thấy trên mặt bàn học kê bên trái hướng từ cửa chính vào trong nhà có 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, T dùng tay trái cầm điện thoại này rồi cầm toàn bộ tài sản trộm cắp được đi ra phía cửa sau, lúc đầu đi vào trèo tường ra ngoài. T kiểm tra thấy điện thoại Iphone 6 Plus cài mật khẩu nên vứt chiếc điện thoại này vào góc vườn phía sau nhà anh N. Sau đó T mang chiếc laptop Acer và bộ sạc đến cửa hàng máy tính của anh Nguyễn Thanh Q ở tổ dân phố T, phường D, thị xã D bán được 300.000 đồng. Toàn bộ số tiền T trộm cắp được và số tiền bán chiếc laptop T đã tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Nguyễn Văn N giao nộp 01 điện thoại Iphone 6 Plus và 01 tấm ảnh mô tả cánh cửa gỗ của gia đình anh N bị cây thủng; 01 con dao phay dài 34cm; thu 01 tấm gỗ màu nâu KT (25 x 52)cm mặt tấm gỗ hình chữ nhật.

Đối với 01 chiếc laptop Acer kèm 01 bộ sạc và 01 túi đựng, anh Nguyễn Thanh Q đã bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ. Đối với chiếc USB T đã vứt trên đường đi nên không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06 ngày 07/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Duy Tiên kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer vỏ màu đen đời máy 2011 trị giá 1.300.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus trị giá 1.650.000 đồng; 01 chiếc USB trị giá 50.000 đồng, 01 chiếc túi xách đựng laptop trị giá 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.010.000 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định được: Cùng thủ đoạn nêu trên, khoảng 08 giờ ngày 13/11/2020, Phạm Minh T một mình đi đến nhà anh Lê Xuân B ở tổ dân phố Vực Vòng, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên quan sát thấy cửa khóa, T đi vòng ra phía sau nhà thì nhặt được chiếc cuốc bằng sắt màu đen, T dùng chiếc cuốc này rạch ngang tấm cửa tôn phía sau nhà một đường khoảng 15cm rồi bẻ tấm tôn ra, luồn tay vào trong kéo then chốt cửa ra. T đi vào phòng ngủ phát hiện có chiếc tủ gỗ nên mở cánh tủ thấy ngăn tủ bên trái trên cùng có 01 con lợn nhựa màu vàng, T lấy con lợn nhựa này mang ra khu vực ruộng sau nhà anh B, xé rách con lợn nhựa ra rồi đếm bên trong con lợn nhựa có khoảng 20.000.000 đồng gồm các tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng. Toàn bộ số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07A ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Duy Tiên kết luận: 01 con lợn nhựa trị giá 5.000 đồng.

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 05/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Minh T mức án từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí của vụ án.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo không có ý kiến gì.

Người bị hại anh Lê Xuân B và chị Trương Thị B1 có quan điểm: Đề nghị xét xử nghiêm về phần hình phạt đối với bị cáo, còn về phần dân sự đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh chị tổng số tiền là 20.005.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Q có quan điểm: Anh không có ý kiến gì về số tiền 300.000đ mà anh đã trả bị cáo khi mua chiếc máy tính xách tay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Duy Tiên và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm định tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03/01/2021, tại nhà anh Nguyễn Văn N ở thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam, Phạm Minh T cậy cửa đột nhập vào nhà trộm cắp 01 chiếc laptop Acer kèm theo sạc; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus; 01 chiếc USB, 01 chiếc túi xách đựng laptop có tổng trị giá 3.010.000 đồng và số tiền 17.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh Nguyễn Văn N là 20.010.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo T còn tự thú về hành vi đã thực hiện trước đó, cụ thể: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/11/2020 tại nhà anh Lê Xuân B ở tổ dân phố V, phường Đ, thị xã D, Phạm Minh T cậy cửa đột nhập vào nhà trộm cắp 01 con lợn nhựa trị giá 5.000 đồng bên trong có số tiền 20.000.000 đồng của anh B. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh B là **20.005.000 đồng**. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp hai lần là 40.015.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội mới khi chưa được xóa án tích và phạm tội hai lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ nhận định trên, HĐXX nhận thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, có tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không có ý thức tự cải sửa bản thân mà tiếp tục dấn thân vào phạm tội. Vì vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đều đề nghị bị cáo có trách nhiệm bồi thường các tài sản đã bị chiếm đoạt. Theo đó, buộc bị cáo Phạm Minh T phải bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn N giá trị tài sản đã chiếm đoạt có tổng số tiền 18.360.000 đồng (đã trừ đi giá trị chiếc điện thoại Iphone 6 Plus là 1.650.000đ mà cơ quan điều tra đã trả cho bị hại N), cho gia đình anh Lê Xuân B giá trị tài sản đã chiếm đoạt có tổng số tiền là **20.005.000 đồng**.

Đối với chiếc laptop Acer kèm 01 bộ sạc, 01 túi đựng mà bị cáo sau khi trộm cắp đã bán cho anh Nguyễn Thanh Q, anh Q đã bán lại tài sản trên cho người thanh niên không biết quen biết nên không thu hồi được tài sản này, nhưng Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá để làm căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

Về hành vi của anh Nguyễn Thanh Q do không biết tài sản mua bán này là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý với anh Q là đúng pháp luật.

[6] *Về vật chứng vụ án*:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 tấm gỗ màu nâu KT (25 x 52)cm, 01 chiếc dao dài 34cm, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn N nên không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm*: Bị cáo phải nộp theo quy định.
Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Phạm Minh T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Minh T phải bồi thường cho:

- Gia đình anh Nguyễn Văn N tổng số tiền 18.360.000(Mười tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng;
- Gia đình anh Lê Xuân B tổng số tiền là 20.005.000(Hai mươi triệu, không trăm linh năm nghìn) đồng.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Minh T phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Minh T phải nộp 1.918.250 (Một triệu, chín trăm mười tám ngàn, hai trăm năm mươi) đồng

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà N;
- VKSND tỉnh Hà N;
- Công an thị xã Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà N;
- Bị cáo; bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Đông